

Số: 151/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 02 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch vốn Dự án 2: Chương trình 135  
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 27/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NĐ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2018;



Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và xây dựng nhà văn hóa thôn bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 03/4/2017 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020 về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 18/TTr-SKH ngày 09/02/2018 về việc phê duyệt kế hoạch vốn Dự án 2: Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018; đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 182/TTr-SLĐTBXH ngày 07/02/2018 về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí Dự án 2: Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018; đề nghị của Trưởng ban Dân tộc tại Tờ trình số 52/TTr-DBT ngày 05/02/2018 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2018 cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch vốn Dự án 2: Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018, cụ thể như sau:

**1. Tổng số vốn phân bổ: 116.185 triệu đồng** (Một trăm mười sáu tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

*Trong đó:*

1.1. Ngân sách Trung ương: 115.685 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 86.145 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 29.540 triệu đồng).

1.2. Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp): 500 triệu đồng.

**2. Kế hoạch sử dụng vốn:**

2.1. *Vốn đầu tư phát triển, số tiền 86.145 triệu đồng:* Thực hiện Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn), trong đó:

a) Phân bổ 10% tổng số vốn đầu tư phát triển theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 27/7/2017 của Hội đồng nhân dân, số tiền 8.615 triệu đồng để đầu tư xây dựng 06 công trình khởi công mới,



số tiền 7.710 triệu đồng và bổ sung vốn thiếu cho 01 công trình đã khởi công trong năm 2017 chưa hoàn thành, số tiền 905 triệu đồng (chi tiết danh mục công trình đầu tư thực hiện theo Biểu số 06 kèm theo Tờ trình số 52/TTr-BDT ngày 05/02/2018 của Ban Dân tộc tỉnh).

b) Phân bổ số vốn đầu tư phát triển còn lại cho huyện trên cơ sở tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 27/7/2017 của Hội đồng nhân tỉnh, số tiền 77.530 triệu đồng, trong đó trích một phần kinh phí vốn đầu tư phát triển, số tiền 5.000 triệu đồng để hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương theo quy định tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (chi tiết danh mục công trình hỗ trợ đầu tư thực hiện theo Biểu số 06 kèm theo Tờ trình số 52/TTr-BDT ngày 05/02/2018 của Ban Dân tộc tỉnh).

## *2.2. Vốn sự nghiệp, số tiền 30.040 triệu đồng, thực hiện các nội dung sau:*

a) Tiểu dự án 1: Duy tu bảo dưỡng công trình, số tiền 4.478 triệu đồng (chi tiết danh mục công trình hỗ trợ đầu tư thực hiện theo Biểu số 07 kèm theo Tờ trình số 52/TTr-BDT ngày 05/02/2018 của Ban Dân tộc tỉnh).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn, số tiền: 20.355 triệu đồng.

c) Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn, số tiền: 4.707 triệu đồng.

d) Kinh phí quản lý chương trình (vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh), số tiền 500 triệu đồng.

## *2.3. Chi tiết phân bổ cho huyện và các ngành thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020 như sau:*

- Huyện Lâm Bình: 12.290 triệu đồng;
- Huyện Na Hang: 16.125 triệu đồng;
- Huyện Chiêm Hóa: 22.094 triệu đồng;
- Huyện Hàm Yên: 17.071 triệu đồng;
- Huyện Yên Sơn: 25.880 triệu đồng;
- Huyện Sơn Dương: 17.828 triệu đồng;
- Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo: 4.897 triệu đồng.

*(chi tiết theo Biểu 01,02 đính kèm)*

## **3. Nguồn vốn:**

- Nguồn vốn được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. Chi tiết nguồn vốn thực hiện theo Quyết định số 1854/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018.

- Nguồn ngân sách tỉnh.



## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:**

1.1. Căn cứ kế hoạch vốn Dự án 2: Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 được phân bổ tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện, đảm bảo việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Triển khai thực hiện và đầu tư các công trình thuộc nội dung của Tiểu dự án 1 (đầu tư cơ sở hạ tầng; duy tu, bảo dưỡng công trình) theo đúng danh mục đầu điểm, mức vốn đầu tư được Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp tại Biểu số 06 kèm theo Tờ trình số 52/TTr-BDT ngày 05/02/2018; việc đầu tư các công trình phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các công trình, dự án được bố trí vốn phải hoàn thành dứt điểm trong năm 2018 để phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

1.3. Chỉ đạo các đơn vị liên quan của huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thôn, bản thực hiện Dự án 2: Chương trình 135 từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018 đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

1.4. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp) theo quy định.

2. Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo, thành viên Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thường xuyên bám sát cơ sở để kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời xử lý những phát sinh, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với các ngành thành viên Ban Chỉ đạo trong việc kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các nội dung thuộc Dự án 2: Chương trình 135 để đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng và đạt hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Địa phương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (Thực hiện)
- Ủy ban MTTQ tỉnh; (Phối hợp)
- TV BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng phòng VX, TH, ĐTXD;
- CV: KGVX, TC, XD, NLN, TH;
- Lưu VT (TùngVX).

(báo cáo)



**Phạm Minh Huân**



**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135**  
**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 24/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2018											
		Vốn Trung ương giao			Kế hoạch vốn trình phân bổ								
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chia ra					
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Ngân sách Trung ương		Ngân sách tỉnh			
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			
	<b>Tổng số</b>	115.685	86.145	29.540	116.185	86.145	30.040	115.685	86.145	29.540	500		500
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn				90.623	86.145	4.478	90.623	86.145	4.478			
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn				20.355		20.355	20.355		20.355			
3	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn				4.707		4.707	4.707		4.707			
4	Quản lý chương trình				500		500				500		500



**CHI TIẾT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018**  
(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 24/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		Tên huyện, các ngành thành viên BCD CTMTQG tỉnh		Kế hoạch vốn năm 2018											
				Tổng số	Trong đó		Chia ra						Tiểu dự án 2 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn)	Tiểu dự án 3 (Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn, bản đặc biệt khó khăn (*))	Ngân sách địa phương - Vốn sự nghiệp (Quản lý chương trình)
							Ngân sách Trung ương								
					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn)				Vốn sự nghiệp (Duy tu bảo dưỡng công trình)				
							Vốn đầu tư phát triển		Phân bổ vốn đầu tư còn lại cho các huyện trên cơ sở tiêu chí, định mức cho xã, thôn ĐBKK						
				Tổng số	Phân bổ 10% vốn đầu tư thực hiện các mục tiêu cấp bách	Tổng số	Trong đó: Vốn hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương thực hiện NQ 03/2016/NQ-HĐND đã được duyệt tại QĐ số 23/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND tỉnh								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11			
	<b>Tổng số</b>	<b>116.185</b>	<b>86.145</b>	<b>30.040</b>	<b>86.145</b>	<b>8.615</b>	<b>77.530</b>	<b>5.000</b>	<b>4.478</b>	<b>20.355</b>	<b>4.707</b>	<b>500</b>			
<b>I</b>	<b>Các huyện</b>	<b>111.288</b>	<b>86.145</b>	<b>25.143</b>	<b>86.145</b>	<b>8.615</b>	<b>77.530</b>	<b>5.000</b>	<b>4.478</b>	<b>20.355</b>		<b>310</b>			
1	Huyện Lâm Bình	12.290	9.558	2.732	9.558	1.500	8.058	500	557	2.135		40			
1	Huyện Na Hang	16.125	12.423	3.702	12.423	1.500	10.923	500	762	2.895		45			
3	Huyện Chiêm Hóa	22.094	16.938	5.156	16.938	1.500	15.438	1.000	1.016	4.080		60			
4	Huyện Hàm Yên	17.071	13.207	3.864	13.207	1.000	12.207	1.000	630	3.189		45			
5	Huyện Yên Sơn	25.880	20.185	5.695	20.185	1.615	18.570	1.000	812	4.818		65			
6	Huyện Sơn Dương	17.828	13.834	3.994	13.834	1.500	12.334	1.000	701	3.238		55			



A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
II	Các ngành thành viên Ban chỉ đạo CTMTQG tỉnh	4.897		4.897							4.707	190
1	Ủy ban Một trật tổ quốc tỉnh	10		10								10
2	Ban Dân tộc tỉnh	4.767		4.767							4.707	60
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20		20								20
4	Sở Tài chính	20		20								20
5	Sở Xây dựng	10		10								10
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30		30								30
7	Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang	10		10								10
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	20		20								20
9	Sở Giao thông Vận tải	10		10								10

Chú thích:

(\*) Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Tiểu dự án 3, Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình khung nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thực hiện Tiểu dự án 3, Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.